



HOÀNG - TỘC

LƯỢC BIÊN

皇族略編

Ngày 21, tháng Giêng, năm Bảo-Đại thứ 18
(Le 25 Février 1943)

Phụng Châu Phê

“Chuẩn Y”

B. Đ.

Khâm thử

KÍNH TÂU :

Ngày 1^{er} Septembre 1942, chúng tôi đã có dâng lên HOÀNG-ĐẾ Ngự Lãm quyền “CONSTITUTION DE LA FAMILLE IMPÉRIALE D'ANNAM” của chúng tôi soạn và đã được HOÀNG-ĐẾ Chuẩn cho ban bố. Nhưng chúng tôi lại được HOÀNG-ĐẾ Diện Sắc rằng nên dịch quyền sách ấy ra Quốc-Ngữ cho tiện phổ thông.

Nay chúng tôi tuân soạn quyền “HOÀNG TỘC LỢC BIÊN” này, nội dung cũng giống như quyền “CONSTITUTION DE LA FAMILLE IMPÉRIALE D'ANNAM” mục đích để cho trong Hoàng Tộc ai xem cũng có thể hiểu ngay được. Chúng tôi lại nhân dịp này xin thêm vào cách đặt tên của Hệ Nhứt Chánh và thể thứ tập tước để được đầy đủ hơn.

Vậy kính dâng lên HOÀNG-ĐẾ Ngự Lãm để có được phép ban bố cho trong Hoàng Tộc xem.

Nay kính tâu,

**Kiểm Nhiếp Tôn Nhơn Phủ Đại Thần :
Thần TÔN-THẮT-CỒN.**

HOÀNG TỘC LỢC BIÊN

NGUYỄN QUÂN

Bốn Triều quán ở làng Gia-Miêu Ngoại-Trang, tổng Thượng Bàn, huyện Tống-Sơn, phủ Hà-Trung, tỉnh Thanh-Hóa. Đến Triều vua Gia-Long (1803), chữ Gia-Miêu Ngoại-Trang đổi thành Quý-Hương, và Tống-Sơn đổi thành Quý-Huyện.

Ngày trước, Triều Nguyễn chúng ta nguyên là họ NGUYỄN VĂN. Xem như ngài Trưng-Quốc-Công, thân sinh ra đức Triệu-Tổ Tịnh Hoàng-Đế (Nguyễn-Kim), húy là Nguyễn-văn-Lưu thì đủ rõ.

Đến triều vua Minh-Mạng (1823) lại phân biệt ra Tôn-Thất NGUYỄN-PHƯỚC và Công-Tánh NGUYỄN-HỰU. Tôn-Thất Nguyễn-Phước là những người đã đi theo đức Nguyễn-Hoàng trong lúc ngài vào trấn thủ ở phương Nam. Còn những kẻ ở lại ngoài Bắc đều lấy họ Công-Tánh Nguyễn-Hựu. Hiện bây giờ người ta chỉ đề hoặc Tôn-Thất hoặc Nguyễn-Hựu mà thôi. Ví dụ: Tôn-thất-Mồ, Nguyễn-hựu-Mồ 尊室某阮祐某.

Cách lựa tên của các vị Chúa và các vị Vua

Tên các vị vua Tiên Triều đều dùng bộ Thủy (水), từ đời đức Thế-Tôn-Hiếu-Võ Hoàng-Đế dùng cả bộ Nhật (日) và bộ thủy (水), và triều Gia-Long trở về sau mới chuyên dùng bộ Nhật (日).

Năm 1823, vua Minh-Mạng có lựa sẵn hai mươi chữ (toàn bộ Nhật) để đặt tên cho các vị vua kế-thống sau này.

Ngài lại làm một bài thơ «Ngự Chế Mạng Danh Thi» gồm có 20 bộ, các triều vua sau cứ noi theo thể thứ mà đặt tên các Hoàng-Tử:

MIÊN	NHƠN	KỶ	SƠN	NGỌC
宀	亻	示	山	玉
PHỤ	NHƠN	NGÔN	TÀI	HÒA
阜	亻	言	才	禾
BỐI	LỰC	TÀI	NGÔN	TÂM
貝	力	才	言	心
NGỌC	THẠCH	HỎA	HÒA	TIÊU
玉	石	火	禾	小

Tên các vị Hoàng-Tử con vua Minh-Mạng đều dùng bộ Miên (宀), còn vua Thiệu-Trị bộ Nhơn (亻), đến đức Đông-Cung Hoàng Thái-Tử Bảo-Long là bộ Phụ (阜) bộ thứ sáu của bài ấy).

Cách đặt tên và chữ lót trong các Hệ Chánh

Các nhánh của các Hoàng-Tử anh em cùng đức Minh-Mạng đều theo mười bài PHIÊN-HỆ-THI mà đặt chữ lót và đặt tên theo lối «Ngũ Hành Tương-Sanh» (THỔ, KIM, THỦY, MỘC, HỎA). Bắt đầu từ bộ Thổ đi lần xuống đến bộ Hỏa, lại trở lên bộ Thổ.

Đức Gia-Long sanh hạ được 13 vị Hoàng-Tử, trừ ba vị tảo thương, còn mười vị, mỗi vị đều có một bài thơ riêng gọi là PHIÊN-HỆ-THI.

MƯỜI BÀI PHIÊN - HỆ - THỊ :

I. Ngài Tăng-Duyệt Hoàng Thái-Tử

(Hoàng trưởng-lữ của Đêc Gia-Long)

MỸ	DUYỆ	TĂNG	CƯỜNG	TRĂNG	} 32 người
美	睿	增	彊	壯	
LIÊN	HUY	PHÁT	BỘI	HƯƠNG	
聯	輝	發	佩	香	
LỊNH	NGHI	HÀM	TỐN	THUẬN	
令	儀	咸	巽	順	
VỸ	VỌNG	BIỂU	KHÔN	QUANG	
偉	望	表	坤	光	

II. — Ngài Kiến-An-Vương

(Hoàng đệ-ngũ-lữ của Đêc Gia-Long)

LƯƠNG	KIẾN	NINH	HÒA	THUẬT	} 46 người
良	建	寧	和	術	
DU	HÀNH	SUẤT	NGHĨA	PHƯƠNG	
攸	行	率	義	方	
DƯỠNG	DI	TƯƠNG	THỨC	HẢO	
養	怡	相	式	好	
CAO	TÚC	THÈ	VI	TƯỜNG	
高	宿	彩	爲	祥	

III.— Ngài Định Viễn Quận Vương

(Hoàng đệ lục tử của Đức Gia-Long)

TỊNH HOÀI CHIÊM VIỄN ÁI	}	183 người
靖 懷 瞻 遠 愛		
CANH NGUỖNG MẬU THANH KHA		
景 仰 茂 清 珂		
NGHIÊM KHÁC DO TRUNG ĐẠT		
儼 恪 由 衷 達		
LIÊN TRUNG TẬP CÁT ĐA		
連 忠 集 吉 多		

IV.— Ngài Diên Khánh Vương

(Hoàng đệ thất tử của Đức Gia-Long)

DIÊN HỘI PHONG HANH HIỆP	}	39 người
延 會 豐 亨 合		
TRÙNG PHÙNG TUẤN LÃNG NGHI		
重 逢 雋 朗 宜		
HẬU LƯU THÀNH TỬ DIỆU		
厚 留 成 秀 妙		
DIÊN KHÁNH THÍCH PHƯƠNG HUY		
衍 慶 適 芳 徽		

V. — Ngài Điện Bàn Công

(Hoàng đệ bác tử của Đức Gia-Long)

TÍN	ĐIỆN	TU	DUY	CHÁNH	} 8 người
信	奠	思	維	正	
THÀNH	TỒN	LỢI	THỎA	TRINH	
誠	存	利	妥	貞	
TÚC	CUNG	THỪA	HỮU	NGHI	
肅	恭	承	友	誼	
VINH	HIỀN	TẬP	KHANH	DANH	
榮	顯	襲	卿	名	

VI. — Ngài Thiệu Hóa Quận Vương

(Hoàng đệ cửu tử của Đức Gia-Long)

THIỆN	THIỆU	KỶ	TUẦN	LÝ	} 18 người
善	紹	期	循	理	
VĂN	TRÍ	TẠI	MẢN	DU	
聞	知	在	敏	猷	
NGƯNG	LÂN	TÀI	CHÍ	LẠC	
凝	麟	才	至	樂	
ĐỊCH	ĐẠO	DOẢN	PHU	HUU	
迪	道	允	孚	休	

VII. — Ngài Quảng Oai Công

(Hoàng đệ thập tử của Đức Gia-Long)

PHỤNG PHÙ TRUNG KHẢI QUẢNG

鳳	符	徵	啓	廣	} Không có người
KIM	NGỌC	TRÁC	TIÊU	KỶ	
金	玉	卓	標	奇	
ĐIÊN	HỌC	KỶ	GIA	CHÍ	
典	學	期	加	志	
ĐỒN	DI	KHẮC	TỰ	TRÌ	
敦	彝	克	自	持	

VIII. — Ngài Thường Tín Quận Vương

(Hoàng thập nhất tử của Đức Gia-Long)

THƯỜNG	CÁC	TUÂN	GIA	HUẤN	} 8 người
常	吉	遵	家	訓	
LÂM	TRANG	TÚY	THẠNH	CUNG	
臨	莊	粹	盛	躬	
THẬN	TU	DI	TẤN	ĐỨC	
慎	修	彌	進	德	
THO	ÍCH	MẬU	TÂN	CÔNG	
受	益	懋	新	功	

IX. — Ngài An Khánh Vương

(Hoàng thập nhị tử của Đức Gia-Long)

KHÂM	TÙNG	XUNG	Ý	PHẠM	} 9 người
欽	從	稱	懿	範	
NHẢ	CHÁNH	THỦY	HOÀNG	QUI	
雅	正	始	弘	規	
KHẢI	ĐỀ	ĐẰNG	CĂN	DỰ	
愷	悌	騰	勤	譽	
QUYẾN	NINH	CỌNG	TRẮP	HY	
眷	寧	共	緝	熙	

X. — Ngài Từ Sơn Công

(Hoàng thập tam tử của Đức Gia-Long)

TỪ	THỀ	DƯƠNG	QUỲNH	CẨM	} 79 người
慈	采	揚	瓊	錦	
PHU	VĂN	ÁI	DIỆU	DƯƠNG	
敷	文	藹	耀	陽	
BÁCH	CHI	QUÂN	PHU	DỰC	
百	支	均	輔	翼	
VẠN	DIỆP	HIỆU	KHUÔN	TƯƠNG	
萬	葉	效	匡	襄	

Các nhánh của các Hoàng-tử con Đức Minh-Mạng đặt chữ lót theo bài Đố Hệ Thi và đặt tên theo mỗi nhánh mô-bộ, hoặc Mộc (木), Thủy (水), Mịch (系) vân vân ..

Bài Đố Hệ Thi :

MIÊN HƯƠNG	UNG	BỬU VĨNH	} 2.200 người
綿	洪	膺 寶 永	
BẢO QUÍ	ĐỊNH LONG	TRƯỜNG	
保 貴	定	隆 長	
HIỀN NĂNG	KHAM	KẾ THUẬT	
賢 能	堪	繼 述	
THẾ THOẠI	QUỐC	GIA XƯƠNG	
世 瑞	國	嘉 昌	

Nhờ có các bài thơ Đố Hệ và Phiến Hệ, Hoàng phái mới dễ phân biệt thế thứ. Ví dụ các chữ MỸ, LƯƠNG, TÍNH, DIỄN... thì đối ngang với chữ MIÊN.

Ngày nay trong Hoàng Tộc, về các Hệ Chánh, đã đặt tên xuống đến chữ thứ sáu hoặc thứ bảy.

Cách đặt chữ lót trên này là chỉ đề dùng cho phái đàn ông mà thôi, còn đàn bà thì khác hẳn. Con các vị vua phần nhiều đặt tên đôi. Trước chữ tên chỉ thêm vào hai chữ CÔNG CHÚA. Con các vị Hoàng-tử gọi là CÔNG NỮ THỊ, cháu gọi là CÔNG TÔN NỮ THỊ, CÔNG HUYỀN TÔN NỮ THỊ v. v... Ba chữ TÔN NỮ THỊ dùng chỉ các cô thuộc về các HỀ TÔN THẮT.

HỆ VÀ PHÒNG

Trong Hoàng Tộc chia ra thành từng phòng, từng hệ. Một Hệ gồm có nhiều hay ít Phòng là tùy theo vị Chúa hay vị Vua ấy sanh hạ nhiều hay ít Hoàng-Tử. Mỗi vị Vua hoặc Chúa mở ra một Hệ, mỗi ông Hoàng mở ra một Phòng.

*
* *

CÁC HỆ TÔN THẤT

Hệ Nhứt

Đức Triệu Tổ Tịnh Hoàng Đế đã khai sáng ra Nguyễn Triều ta và lập thành Hệ Nhứt.

Ngài húy NGUYỄN-KIM, sanh năm 1468, mất năm 1545. Ngài sanh hạ được hai vị Hoàng-Tử: Tả Tướng Lãng Quận Công Nguyễn-Uông, Đức Thái Tổ Gia Dũ Hoàng-Đế Nguyễn-Hoàng và Công Chúa Ngọc-Bửu.

Lãng của ngài tên gọi là Trường-Nguyên, táng ở núi Triệu Tường, thuộc làng Qui-Hương, huyện Qui-Huyện, tỉnh Thanh-Hóa. Lãng của Đức Bà cũng táng gần đó.

Đức Triệu-Tổ Tịnh-Hoàng-Đế và bà Nguyễn-Phối đều thờ tại Triệu-Miếu trong Kinh-Thành nội. Nhà thờ ngài Tả Tướng Lãng Quận Công tọa lạc gần Long-Thọ (làng Dương-Xuân) Huế.

Hiện nay, kể về đàn ông, Hệ Nhứt được 320 người.

Hệ Nhi

Hệ Nhi là hệ của đức Thái-Tổ Gia Dũ Hoàng-Đế.

Đức Thái-Tổ Gia Dũ Hoàng-Đế sanh năm 1525, mất năm 1613. Năm 1558 ngài vào trấn thủ ở Thuận-Hóa.

Ngài có mười vị Hoàng-Tử: 1. — Thái-Bảo Hòa-Quận-Công, 2. — Hoàng-Tử-Hán, 3. — Hoàng-Tử-Thành, 4. — Hào-Quận-Công, 5. — Hoàng-Tử-Hải, 6. — Hy-Tôn Hiếu-Văn Hoàng-Đế, 7. — Hoàng-Tử-Hiệp, 8. — Hoàng-Tử-Trạch, 9. — Hoàng-Tử-Dương, 10. — Nghĩa-Hung Quận-Vương và hai bà Công-Chúa Ngọc-Tiên và Ngọc-Tú.

Vi can quốc chánh, nên Hoàng-Tử-Hiệp và Hoàng-Tử-Trạch bị trước tịch. Con cháu về sau đều lấy họ Nguyễn-Thuận 阮順.

Đức Thái-Tổ Gia-Dũ Hoàng-Đế đem mấy người cháu nội là ông Hắc, ông Vĩnh (con Hoàng-Tử-Hán), ông Nghiêm, ông Long, ông Cương, ông Chắt (con Hoàng-Tử-Hải) gởi cho vua Lê để làm tin. Mấy ông này về sau đã lập lên họ NGUYỄN-HỮU 阮祐. Lãng Đức Thái-Tổ Gia-Dũ Hoàng-Đế gọi là Trường-Cơ, ở làng La-Khê, huyện Hương-Trà, tỉnh Thừa-Thiên. Lãng Đức Bà táng tại làng Hải-Cát cùng thuộc huyện Hương-Trà.

Ngài và Bà đều thờ tại Chánh Án trong Thái-Miếu (Kinh Thành Nội).

Hệ Nhi có ba Phòng, nam 270 người. Mỗi Phòng đều có nhà thờ riêng. Nhà thờ ngài Hòa-Quận-Công và Hào-Quận-Công đều tại làng Dương-Xuân-Hạ, tổng Cư-Chánh, huyện Hương-Thủy, tỉnh Thừa-Thiên. Nhà thờ ngài Nghĩa-Hung Quận-Vương ở làng Phổ-Nam, tổng Dương-Nỗ, huyện Phú-Vang, tỉnh Thừa-Thiên.

Hệ Ba

Hệ Ba là hệ Đức Hy-Tôn Hiếu-Văn Hoàng-Đế.

Ngài sanh năm 1563, mất năm 1635. Ngài đã đổi họ NGUYỄN-VĂN thành NGUYỄN-PHƯỚC. Ngài sanh hạ 11 vị Hoàng nam: 1. — Khánh-Quận-Công, 2. — Đức-Thần-Tôn Hiếu-Chiêu Hoàng-Đế, 3. — Hoàng-Tử-Anh, 4. — Hoàng-

tử-Trung, 5. — Hoàng-tử-An, 6. — Hoàng-tử-Vĩnh, 7. — Hoàng-tử-Lộc, 8. — Hoàng-tử-Tứ, 9. — Hoàng-tử-Thiệu, 10. — Vinh-Quận-Công, 11. — Hoàng-tử-Đôn. Bốn hoàng nữ: Ngọc-Liên, Ngọc-Vạn, Ngọc-Khoa, Ngọc-Đĩnh.

Ngọc-Liên hạ giá cùng phò-mả Nguyễn-phước-Vĩnh, con của Mạc-cảnh-Uông. Nguyễn-phước-Vĩnh lập ra họ NGUYỄN-HỮU 阮有.

Ngọc-Đĩnh Công-chúa kết duyên cùng Nguyễn-cửu-Kiều, người sáng lập ra họ NGUYỄN-CỬU 阮久.

Lăng Trường-Diên, tức lăng của Đức Hy-Tôn-Hiếu-Văn Hoàng-Đế, táng tại làng Hải-Cát, huyện Hương-Trà, tỉnh Thừa-Thiên. Lăng của Đức Bà (Vĩnh-Diễn) hiện ở làng Chiêm-Son, huyện Duy-Xuyên, tỉnh Quảng-Nam.

Ngài và Bà đều thờ tại Thái-Miếu, Ân tả Nhứt.

Trong các vị Hoàng-tử con Đức Hy-Tôn-Hiếu-Văn Hoàng-Đế, Hoàng-tử-Anh và Hoàng-tử-Trung, vì can quốc sự nên bị tước tịch.

Hệ Ba hiện có hai Phòng, nam được 340 người. Mỗi Phòng có nhà thờ riêng. Nhà thờ ngài Khánh-Quận-Công ở làng Dương-Nỗ, nhà thờ ngài Vinh-Quận-Công ở làng Ngọc-Anh, cả hai nhà thờ đều thuộc huyện Phú-Vang, tỉnh Thừa-Thiên.

Hệ Tư

Hệ Tư là hệ của Đức Thần-Tôn-Hiếu-Chiếu Hoàng-Đế.

Ngài sanh năm 1601, mất năm 1648. Ngài sanh hạ ba Hoàng-Tử: 1. — Hoàng-tử-Võ, 2. — Đức-Thái-Tôn-Hiếu-Triết Hoàng Đế, 3. — Hoàng-tử-Quỳnh và một bà Công Chúa (danh tự thất tường).

Lăng ngài Thần-Tôn-Hiếu-Chiêu Hoàng-Đế gọi là Trường-Diên, táng tại làng An-Bằng, huyện Hương-Thủy, tỉnh Thừa-Thiên. Lăng của Đức bà tên gọi Vĩnh-Diên, ở làng Chiêm-Sơn, huyện Duy-Xuyên, tỉnh Quảng-Nam. Đức Thần-Tôn-Hiếu-Chiêu Hoàng-Đế và bà Nguyễn-Phối đều thờ tại Thái-Miếu, Ân Hữu-Nhứt.

Hoàng-tử Võ và Hoàng-tử Quỳnh mất sớm thành vô tự, vì thế nên hệ tư không có.

Hệ Năm

Đức Thái-Tôn-Hiếu-Triết Hoàng-Đế khai sáng ra Hệ Năm.

Ngài sanh năm 1620, mất năm 1687, sanh hạ được sáu Hoàng-tử: 1. — Phước-Quốc-Công, 2. — Anh-Tôn-Hiếu-Nghĩa Hoàng-Đế, 3. — Cương-Quận-Công, 4. — Quốc-Oai-Công, 5. — Hoàng-tử-Niên, 6. — Hoàng-tử-Nhiều và ba Hoàng nữ: Công-Chúa Ngọc-Tào và hai bà thất tửng.

Lăng Đức Thái-Tôn-Hiếu-Triết Hoàng-Đế (Trường-Hung), ở làng Hải-Cát, huyện Hương-Trà, tỉnh Thừa-Thiên. Lăng của Đức Bà (Vĩnh-Hung) ở làng An-Ninh, huyện Hương-Thủy, tỉnh Thừa-Thiên. Ngài lại còn một bà thứ hai nữa, táng tại lăng Quang-Hung ở làng Định-Môn, huyện Hương-Trà, tỉnh Thừa-Thiên.

Ngài và hai bà đều thờ tại Thái-Miếu, Tả nhị án.

Hệ năm hiện có ba phòng nam 300 người. Ba nhà thờ: nhà thờ ngài Phước-Quận-Công ở làng La-Ý, tổng Dương-Nỗ, nhà thờ ngài Cương-Quận-Công ở làng Lại-Thế, tổng Ngọc-Anh. Hai nhà thờ này đều ở huyện Phú-Vang, tỉnh Thừa-Thiên. Nhà thờ ngài Quốc-Oai-Công ở làng Văn-Thế, huyện Hương-Thủy, tỉnh Thừa-Thiên.

Hệ Sáu

Ngài Anh-Tôn-Hiếu-Nghĩa Hoàng-Đế sanh năm 1649, mất năm 1691. Ngài sanh hạ năm Hoàng-tử: 1. — Đức Hiền-Tôn-Hiếu-Minh Hoàng-Đế, 2. — Hoàng-tử Tuấn, 3. — Hoàng-tử Toàn, 4. — Hoàng-tử Trinh, 5. — Hoàng-tử Quảng và các bà Công-chúa: Ngọc-Nhiệm, Ngọc-Nhiều và 2 bà nữa tên tuổi không rõ.

Lăng đức Anh-Tôn-Hiếu-Nghĩa Hoàng-Đế (Trường-Mậu), ở làng Kim-ngọc, huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên. Lăng của Đức Bà (Vĩnh-Mậu) ở làng Định-môn, huyện Hương-Trà.

Ngài và Bà đều thờ tại Thái-Miếu, Hữu nhị án.

Ngoài Đức Hiền-Tôn-Hiếu-Minh Hoàng-Đế ra, các vị Hoàng-tử khác đều vô tự cả, nên không có hệ sáu.

Hệ Bảy

Hệ bảy là hệ của Đức Hiền-Tôn-Hiếu-Minh Hoàng-Đế. Ngài sanh năm 1675, mất năm 1725, sanh hạ 38 Hoàng-tử, và 4 Hoàng-nữ. 1. — Đức Túc-Tôn-Hiếu-Ninh Hoàng-Đế, 2. — Hoàng-tử Thê, — 3. — Không rõ, 4. — Hoàng-tử Long, 5. — Hoàng-tử Hải, 6. — Không rõ, 7. — Hoàng-tử Liêm, 8. — Luân-quốc Công, 9. — Hoàng-tử Thứ, 10. — Hoàng-tử Lân, 11. — Hoàng-tử Chấn, 12. — Nhân-quốc Công, 13. — Hoàng-tử Đàng, 14. — Hoàng-tử Thiện, 15. — Hoàng-tử Khánh, 16. — Hoàng-tử Cảo, 17. — Hoàng-tử Bình, 18. — Chương-cơ Quận-công, 19. — Chương-vệ Quận-công, 20. — Hoàng-tử Khâm, 21. — Hoàng-tử Quán, 22. — Hoàng-tử Luân, 23. — Hoàng-tử Bình, 24. — Hoàng-tử Tôn, 25. — Hoàng-tử Nghiêm, 26. — Hoàng-tử Hưng, 27. — Thiếu bảo Thanh Quận-công, 28. — Hoàng-tử Hao, 29. — Hoàng-tử Kỳ, 30. — Hoàng-tử Thuyên, 31. — Hoàng-tử Hanh, 32. — Hoàng-tử Lộc, 33. — Hoàng-tử Triêm,

34. — Hoàng-tử Khiêm, 35, 36. — Không rõ, 37. — Hoàng-tử Độ, 38. — Hoàng-tử Tài và các bà Chúa : Ngọc-Sang, Ngọc-Phụng, Ngọc-Nhật và một bà không rõ.

Lăng Đức Hiền-tôn Hiếu-Minh Hoàng-Đế (Trương-Thanh) ở tại làng Kim-ngọc, lăng của Đức Bà (Vinh-Thanh) ở làng Trúc-lâm, hai lăng này đều thuộc huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên.

Ngài và Bà đều thờ tại Thái-Miếu, Tả tam án.

Hệ Bấy hiện có 27 Phòng, nam được 1.420 người.

Mỗi Phòng đều có nhà thờ riêng và đều ở tỉnh Thừa-thiên, trong các huyện Phú-lộc, Hương-trà, Hương-thủy. Ở Tôn-thất xã, tổng An-nông, có nhà thờ ngài Hoàng Nhi-tử ; cùng trong tổng ấy, ở làng Xuân-lai có nhà thờ ngài Hoàng Nhi-thập-nhứt-tử. Nhà thờ ngài Hoàng Thập ngũ-tử, ngài Hoàng Tam-thập-tử ở làng Vinh-hòa, ngài Hoàng tam-thập-tam-tử ở làng Phú-an cũng đều tại tổng Diêm-trường.

Các ngài Hoàng Tứ-tử, Ngũ-tử, Thập-nhị, Thập-lục, Nhi-thập-ngũ, Nhi-thập-lục-tử đều thờ tại làng An-cự, tổng An-cự, ngài Hoàng Cửu-tử có nhà thờ tại làng Lương-quán, tổng Cư-chánh ; ngài Hoàng Nhi-thập-tử thờ tại làng Bằng-lãng, tổng Cư-chánh, huyện Hương-thủy.

Ở huyện Hương-trà thì có nhà thờ các ngài : Hoàng Thập-tử, Hoàng Thập-thất, Thập-bát, Nhi-thập-nhị, Nhi-thập-thất, Tam-thập-nhị, Tam-thập-thất-tử đều tại làng Phú-xuân, tổng Phú-xuân ; các ngài Hoàng Thất-tử, Hoàng-thập-nhứt-tử nhà thờ ở làng Định-môn, Tổng Long-hồ, Ngài Hoàng Bát-tử nhà thờ ở làng Hương-cần, tổng Hương-cần, ngài Hoàng Thập-tam-tử nhà thờ ở làng Vạn-xuân, tổng An-ninh, ngài Hoàng Thập-cửu-tử nhà thờ ở làng La-chữ, tổng Long-Hồ, nhà thờ ngài Hoàng nhị-thập-tam-tử ở làng An-vân và nhà thờ ngài Hoàng Nhi-thập-cửu-tử ở làng Long-hồ cũng trong tổng An-ninh.

Hệ Tám

Đức Túc-Tôn-Hiếu-Ninh Hoàng-Đế khai-sáng ra Hệ tám. Ngài sanh năm 1696, mất năm 1738, sanh-bà ba Hoàng-tử : 1. — Thế-Tôn-Hiếu-Võ Hoàng-Đế, 2. — Thiếu-Bảo Nghiễm Quận-công, 3. — Trường-Quan-Hầu, và các bà chúa : Ngọc-Sách Ngọc-Doãn, Ngọc-Biện, Ngọc-Uyển và một bà không rõ.

Lăng của ngài Túc-Tôn-Hiếu-Ninh Hoàng-Đế tên gọi Trường-Phong, ở làng Định-môn, lăng của Đức-Bà (Vinh-Phong) ở làng Long-Hồ, đều thuộc huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên.

Ngài và Bà đều thờ tại Thái-Miếu, Hữu tam án

Hệ tám chỉ có hai phòng, đàn ông được 94 người. Nhà thờ ngài Thiếu-Bảo Nghiễm Quận-công thờ tại làng An-ninh-thượng, tổng An-ninh, huyện Hương-trà, nhà thờ ngài Trường-quan-Hầu thờ tại làng Dương-xuân-thượng, tổng Cư-chánh, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-thiên.

Hệ Chín

Hệ chín là Hệ của Đức Thế Tôn-Hiếu-Võ Hoàng-Đế.

Ngài sanh năm 1714, mất năm 1765. Ngài có 18 Hoàng-tử : 1. — Hoàng-tử Chương, 2. — Đức Hưng-Tồ-Hiếu-Khương Hoàng-Đế, 3. — Hoàng-tử Mão, 4. — Thành Quận-Công, 5. — Hoàng-tử Dục, 6. — Hoàng-tử Diệc, 7. — Hoàng-tử Kinh, 8. — Hoàng-tử Bản, 9. — Tuyên-Vương, 10. — Hoàng-tử Yến, 11. — Hoàng-tử Tuấn, 12. — Hoàng-tử Khoán, 13. — Hoàng-tử Đản, 14. — Hoàng-tử Quyên, 15. — Hoàng-tử Diệu, 16. — Đức Duệ-Tôn-Hiếu-Định Hoàng-Đế, 17. — Hoàng-tử Xuân, 18. — Phước-long công, và các bà Chúa : Ngọc-Huyền, Ngọc-Nguyện, Ngọc-Thành, Ngọc-Ái, Ngọc-Nguyệt, Ngọc-Cư, Ngọc-Thọ, Ngọc-Xuyến, Ngọc-Diệu, và Ngọc-Cơ.

Lăng của Đức-Thế-Tôn-Hiếu-Võ Hoàng-Đế tên gọi Trường-Thái táng ở làng La-Kê, huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-Thiên ; lăng của Đức Bà tên gọi Vĩnh-Thái táng ở làng Dương-xuân, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-Thiên.

Đức Thế-Tôn-Hiếu-Võ Hoàng-Đế và Đức-Bà đều thờ tại Thái-Miếu, Tả tứ án.

Hệ chín có 7 phòng, nhân số nam được 350 người.

Nhà thờ ngài Hoàng lục tử và Hoàng Thập-thất-tử đều tọa-lạc tại làng Dương-xuân, tổng Cư-chánh, huyện Hương-thủy; ngài Hoàng Tam-tử nhà thờ tại làng Long-bồ, tổng An-ninh, huyện Hương-trà, ngài Hoàng Tứ-tử nhà thờ tại làng Phổ-trung, huyện Phú-vang, ngài Hoàng Thất tử nhà thờ tại làng Xuân-lai, tổng An-nông, huyện Phú-ộc, ngài Hoàng Thập-tử nhà thờ tại làng Dương-phẩm, tổng An-cự, huyện Hương thủy, ngài Hoàng Thập-bát-tử nhà thờ ở làng Công-lương, tổng An-cự, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-Thiên.

Đến Hệ Chín thì vừa hết các hệ Tôn-Thất.

Hai vị Hoàng-tử con Đức Thế-Tôn-Hiếu-Võ Hoàng-Đế là Đức Duệ-Tôn Hiếu-Định Hoàng-Đế và Đức Hưng-Tổ-Hiếu-Khương Hoàng-Đế. Đáng lẽ hai ngài này đều có khai sáng mỗi ngài một Hệ riêng, nhưng vì Đức Duệ-Tôn lại chỉ sanh được một bà Chúa, còn Đức Hiếu-Khương, ngoài Đức Thế-Tổ-Cao Hoàng-Đế khai sáng hệ Nhứt Chánh, thì không còn vị Hoàng-Tử nào nữa.

Lăng Đức Duệ-Tôn Hiếu-Định Hoàng-Đế (Trùng-Thiệu) ở tại làng La-Kê, huyện Hương-Trà, tỉnh Thừa-Tiên, còn lăng của Đức Bà vì lâu ngày thất lạc nên hiện không biết ở đâu.

Đức Duệ-Tôn-Hiếu-Định Hoàng-Đế và Bà đều thờ tại Thái-Miếu, Hữu tứ án.

Lăng Đức Hưng-Tổ-Hiếu-Khương Hoàng-Đế (Cổ-Thánh) táng tại làng Cư-Chánh, huyện Hương-Thủy, tỉnh Thừa-Thiên, lăng của Đức bà (Thoại-Thánh) ở làng Định-Môn, huyện Hương-Trà. Ngài và Bà đều thờ ở Hưng-Miếu tại Kinh Thành nội. Cả thấy 9 Hệ, trừ hệ tư và hệ sáu, vì vô tự, nên hiện chỉ còn 7 Hệ mà thôi. Theo bản tổng kê kỷ tháng hai năm 1942, các hệ Tôn-Thất gồm có nam 3.100 và nữ 2.800 người.

CÁC HỆ CHÁNH

Các Hệ từ Triều Gia-Long trở về sau đều gọi là HỆ CHÁNH để phân biệt với các HỆ TÔN THẮT của các Triều trước

Hệ Nhứt Chánh

Hệ Nhứt Chánh là Hệ của các vị Hoàng-Tử con Đức Thế Tổ Cao-Hoàng-Đế (Gia-Long).

Vua Gia-Long sanh năm 1762, mất năm 1819. Sau khi đã bình định nước Việt-Nam, ngài tức Hoàng-Đế vị năm 1802 và khai sáng ra Nguyễn-Triều.

Ngài có 13 vị Hoàng-Tử và 18 vị Hoàng-Nữ.

Hoàng-Tử: 1 — Đông-Cung Nguyên Soái Tăng-Duyệt, 2 — Thuận-An-Công, 3 — Hoàng-tử-Tuấn, 4 — Thánh-Tổ-Nhơn-Hoàng-Đế (Minh-Mạng), 5 — Kiến-An-Vương, 6 — Định-Viễn-Quận-Vương, 7 — Diên-Khánh-Vương, 8 — Điện-Bàng-Công, 9 — Thiệu-Hoá-Quận-Vương, 10 — Quán-Oai-Công, 11 — Thường-Tín-Quận-Vương, 12 — An-Khánh Quận-Vương, 13 — Từ-Sơn Công.

Lăng của các ngài là lăng Thiên-Thọ, không mấy người không biết, thuộc địa phận làng Định-Môn, huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-Thiên. Lăng bà Thừa-Thiên Cao-Hoàng-Hậu và bà Thuận-Thiên Cao-Hoàng-Hậu, nguyên phối và đệ nhị phối của ngài cũng đều táng tại vùng ấy cả.

Ngài và hai bà đều thờ tại Chánh án Thế Miếu và tại Chánh án điện Phụng tiên ở Kinh thành nội.

Hệ Nhứt chánh gồm có 9 phòng, tổng cộng về nam được 380 người.

Sau đây là bản kê tên các phòng, thế thứ các vị Hoàng-tử và chỗ nhà thờ tọa lạc:

Thứ các vị Hoàng-Tử	TƯỚC CỦA CÁC VỊ HOÀNG-TỬ	CHỖ NHÀ THỜ TOA-LẠC
1	Tăng-Duyệt-Hoàng Thái-Tử	Làng Vân-dương, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-thiên.
5	Kiến-An-Vương	Ấp Hô-lâu, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-thiên.
6	Định-Viễn Quận-Vương	Làng Dương-nỗ, huyện Phú-vang, tỉnh Thừa-thiên.
7	Diên-Khánh-Vương	Làng Vĩ-dạ, huyện Phú-vang, tỉnh Thừa-thiên.
8	Điện-Bàng-Công	Làng Thần-phù, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-thiên.
9	Thiệu-Hoá Quận-Vương	Làng Vĩ-dạ, huyện Phú-vang, tỉnh Thừa-thiên.
11	Thường-Tín Quận-Vương	Làng Xuân-vinh, huyện Phú-lộc, tỉnh Thừa-thiên.
12	An-Khánh-Vương	Xã Xuân-hòa, huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên.
13	Từ-Sơn-Công	Làng Xuân-hoà, huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên.

Hệ Nhì Chánh

Hệ nhì Chánh là Hệ của các vị Hoàng tử con Đức Minh-Mạng (Thánh Tổ Nhơn Hoàng Đế).

Đức Thánh Tổ Nhơn Hoàng Đế sanh năm 1791, mất năm 1840. Ngài có 78 Hoàng nam và 64 Hoàng nữ.

Hoàng nam : 1 — Đức Hiến Tổ Chương Hoàng Đế, 2 — Hoàng tử Chánh, 3 — Thọ Xuân Vương, 4 — Ninh Thuận Quận Vương, 5 — Vinh Tường Quận Vương, 6 — Phú Bình Quận Vương, 7 — Nghi Hoà Quận Công, 8 — Phù Mỹ

quận công, 9 — Hàm Thuận quận công, 10 — Tùng
Thiện Vương, 11 — Tuy Lý Vương, 12 — Trương An
quận vương, 13 — Tuân quốc công, 14 — Hoàng tử Hưu,
15 — Lạc Hóa quận công, 16 — Hà Thanh quận công,
17 — Hoàng tử Thành, 18 — Nghĩa quốc Công, 19 — Tảo
thương, 20 — Tảo thương 21 — Hoàng tử Nghi, 22 — Hoàng
tử Long, 23 — Trấn Mang Quận Công, 24 — Tảo thương,
25 — Tảo thương, 26 — Sơn Định Quận Công, 27 — Tân
Bình quận công, 28 — Hoàng tử Trạch, 29 — Qui Châu
quận công, 30 — Quản Ninh quận vương, 31 — Sơn Tĩnh
quận công, 32 — Quản Biên quận công, 33 — Lạc Biên
quận công, 34 — Hoàng tử Hoan, 35 — Ba Xuyên quận
công, 36 — Kiến Tường công, 37 — Hòa Thành vương,
38 — Tảo thương, 39 — Tảo thương, 40 — Hòa quốc công,
41 — Tuy an quận công, 42 — Hải quốc công, 43 — Hoàng
tử Tinh, 44 — Tây ninh quận công, 45 — Trấn tịnh quận
công, 46 — Tảo thương, 47 — Quảng Trạch quận công,
48 — An quốc công, 49 — Tĩnh gia công, 50 — Tảo thương,
51 — Trấn Biên quận công, 52 — Điện quốc công,
53 — Tuy Biên quận công, 54 — Quế Sơn quận công,
55 — Phong quốc công, 56 — Trấn Định quận công,
57 — Hoài Đức quận vương, 58 — Duy Xuyên quận công,
59 — Cầm Giang quận công, 60 — Quản Hóa quận công,
61 — Nam Sách quận công, 62 — Hoàng tử Tru,
63 — Hoàng tử Khê, 64 — Hoàng tử Ngữ, 65 — Trấn quốc
công, 66 — Hoảng Hóa quận vương —, 67 — Hoàng tử
Tuất, 68 — Tân An quận công, 69 — Bảo An quận công,
70 — Hậu Lộc quận công, 71 — Kiến Hòa quận công,
72 — Kiến Phong quận công, 73 — Vĩnh Lộc quận công,
74 — Phú-Cát quận công, 75 — Cầm Xuyên quận vương,
76 — An xuyên vương, 77 — Hoàng tử Sách, 78 — An
thành vương.

Lăng của Đức Minh Mạng, là Hiếu-Lăng, tại làng An-băng, huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên. Lăng của bà Tá Thiên Nhơn Hoàng Hậu gọi là Hiếu Đòng Lăng, tại làng Cư chánh, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-thiên.

Ngài và bà đều thờ ở Tả-nhứt-Án tại Thế-Miếu và Tả-nhứt-Án điện Phụng-Tiên.

Hệ Nhì Chánh là hệ đông nhứt trong các hệ, gồm có 56 phòng và nam 1.800 người.

Sau đây là bản kê thế thứ các Phòng và chỗ các nhà thờ :

Thế-thứ các vị Hoàng-tử	TƯỚC CỦA CÁC VỊ HOÀNG-TỬ	CHỖ NHÀ THỜ TỌA LẠC
3	Thọ-xuân-Vương	Phường Phú-cát, Huế
4	Ninh-Thuận Quận-vương	Làng Tiên-nộn, tổng Mậu tại huyện Phú-vang, tỉnh Thừa-thiên.
5	Vinh-Trương Quận-vương	Phường Phú-cát, Huế.
6	Phú-Bình Quận-vương	Phường Phú-cát, Huế,
7	Nghi-Hòa Quận-công	Làng Hương-cần, huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên.
8	Phù-Mỹ Quận-công	Phường Phú-cát, Huế.
9	Hàm-Thuận Quận-công	Phường Phú-hội, Huế.
10	Tùng-thiên-vương	43 b, Quai de la Susse, Huế
11	Tuy-lý-Vương	Làng Vĩ-dạ, huyện Phú-vang, tỉnh Thừa-thiên.
12	Trương-An Quận-vương	Làng Nguyệt-biêu, tổng Cư-chánh, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-thiên.
13	Tuân-quốc-Công	Phường Phú-cát, Huế.
15	Lạc-Hóa quận-công	Làng Bình-lộc, huyện Phú-vang, tỉnh Thừa-thiên.
16	Hà-Thanh Quận-công	Làng Kim-long, huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên.

Thứ-hạng các vị Hoàng-tử	TƯỚC CỦA CÁC VỊ HOÀNG-TỬ	CHỖ NHÀ THỜ TỌA LẠC
18	Nghĩa-Quốc-Công	Phường Phú-nhuận, Huế.
23	Trần-Mang Quận-Công	Làng Phước-quả, tổng Cư-chánh, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa- thiên.
26	Sơn-Định Quận-Công.	Làng An-cự-tây, huyện Hương- thủy, tỉnh Thừa-thiên.
27	Tân-Bình Quận-Công.	Phường Phú-cát, Huế.
29	Qui Châu Quận-Công.	Làng Hà-lang, huyện Quảng-diên, tỉnh Thừa-thiên
30	Quản-Ninh Quận-Công.	Phường Phú-mỹ, Huế.
31	Sơn-Tĩnh Quận-Công.	Làng An-Cự-tây, huyện Hương- thủy, tỉnh Thừa-thiên.
32	Quản-Biên Quận-Công.	Phường Phú-mỹ, Huế.
33	Lạc-Biên Quận-Công	Phường Phú-cát, Huế.
35	Ba-Xuyên Quận-Công.	Phường Phú-mỹ, Huế.
36	Kiến-Tương-Công	Làng Vĩ-dạ, huyện Phú-vang, tỉnh Thừa-thiên.
37	Hòa-Thạnh-Vương	Phường Phú-mỹ, Huế.
40	Hòa Quốc-Công	Phường Long-thọ, huyện Hương- thủy, tỉnh Thừa-thiên.
41	Tuy-An Quận-Công	Phường Phú-mỹ, Huế.
42	Hải-Quốc-Công	Chánh-tây-môn ngoại, Huế.
44	Tây-Ninh Quận-Công	Làng Bình-an, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-thiên.
45	Trần-Tĩnh Quận-Công	Phường Phú-nhơn, Huế.
47	Quản-Trạch Quận-Công	Phường Phú-mỹ, Huế.
48	An-Quốc-Công	Cạnh ga Kim-long, Huế
49	Tĩnh-Gia-Công	Làng Kim-long, huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên.
51	Trần-Biên Quận-Công	Làng Già-lê-thượng, huyện Hương- thủy, tỉnh Thừa-thiên.

Thế-thứ các vi Hoàng-th	TƯỚC CỦA CÁC VI HOÀNG-TỬ	CHỖ NHÀ THỜ TỌA LẠC
52	Điện-Quốc-Công	Phường Phú-Mỹ, Huế.
53	Tuy-Biên Quận-Công	Làng Nam Phổ-nam, huyện Phú- vang, tỉnh Thừa-thiên.
54	Quế-Sơn Quận Công	Làng An-ninh-thượng, huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên.
55	Phong Quốc-Công	Làng Vĩ-dạ, huyện Phú-vang, tỉnh Thừa-thiên,
56	Trần-Định Quận-Công	Làng Bình-môn, huyện Phú-lộc, tỉnh Thừa-thiên.
57	Hoài-Dức Quận-Vương	Phường Phú-cát, Huế.
58	Duy-Xuyên Quận-Công	Làng Bình-môn, huyện Phú-lộc, tỉnh Thừa-thiên.
59	Cầm-Giang Quận-Công	Phường Phú-mỹ, Huế.
60	Quần Hoá Quận-Công	Làng Phò-trạch, huyện Phong- diễn, tỉnh Thừa-thiên.
61	Nam-Sách Quận-Công	Làng Trường-cưỡi, huyện Hương- trà, tỉnh Thừa-thiên.
65	Trần-Quốc-Công	Phường Phú-hội, Huế.
66	Hoàng-Hóa Quận-Vương	Phường Phú-cát, Huế
68	Tân-An Quận-Công	Làng Nam-Phổ-nam, huyện Phú- vang, tỉnh Thừa-thiên.
69	Bảo-An Quận-Công	Phường Phú-mỹ, Huế.
70	Hậu-Lộc Quận-Công	Phường Phú-mỹ, Huế.
71	Kiến-Hòa Quận-Công	Làng An-cự-tây, huyện Hương- thủy, tỉnh Thừa-thiên.
72	Kiến-Phong Quận-Công	Phường Phú-mỹ, Huế.
73	Vĩnh-Lộc Quận-Công	Làng An-quán, huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên.
74	Phù-Cát Quận-Công	Làng Nam-phổ-nam, huyện Phú- vang, tỉnh Thừa-thiên.
75	Cầm-Xuyên Quận-Vương	Làng Vạn-xuân, huyện Hương- trà, tỉnh Thừa-thiên.
76	An-Xuyên-Vương	Phường Phú-mỹ, Huế.
78	An-Thành-Vương	Phường Phú-cát, Huế.

Hệ ba chánh

Các vị Hoàng-tử con đức Thiệu-Trị (Hiển-Tổ-Chương Hoàng-Đế) họp lại thành Hệ Ba chánh. Đức Thiệu-Trị sanh năm 1807, mất năm 1847, sanh hạ được 29 Hoàng-tử và 35 Hoàng-nữ.

Hoàng-Tử: 1 — An-Phong quận-vương, 2 — Đức Dực-Tôn-Anh Hoàng-Đế, 3 — Thái-Thạnh quận-vương, 4 — Thoại-thái-vương, 5 — Hoàng-tử Kiên, 6 — Hoằng-Trị vương, 7 — Vinh-quốc-công, 8 — Gia-Hưng-vương, 9 — Phong-lộc quận-vương, 10 — An-Phước quận-vương, 11 — Hoàng-tử Thiệu, 12 — Tuy-Hòa quận-vương, 13 — Hoàng-tử Bàng, 14 — Hoàng-tử Sâm, 15 — Hoàng-tử Trứ, 16 — Hương Sơn quận-công, 17 — Hoàng-tử Thi, 18 — Mỹ Lộc quận-công, 19 — Tảo-thương, 20 — Hoàng-tử Hy, 21 — Hoàng tử Cơ, 22 — Hoàng-tử Trụ, 23 — Kỳ-phong quận-công, 24 — Tảo thương, 25 — Phú lương công, 26 — Thuần-Nghị-Kiên thái-vương, 27 — Tảo-thương, 28 — Hoàng tử Nghê, 29 — Văn-Lãng quận-vương (Hiệp-Hòa Phế-Đế).

Lăng đức Thiệu-Trị (Xương-Lăng) lảng tại núi Thuận-Đạo, huyện Hương-Thủy, tỉnh Thừa-thiên. Lăng của bà Nghi-Thên-Chương Hoàng-Hậu (Xương-thọ lăng) ở tại là g Cự Chánh huyện Hương-thủy. Đức Thiệu trị và bà Nguyễn-Phối đều thờ tại Thế-Miếu Hữu nhưt án và tại Hữu Nhưt án điạ Phụng-Tiên.

Hệ Ba Chánh, kể về nam nhân số 280 người mà gồm có 15 Phòng cả thấy.

Thế-thứ các vị Hoàng-tử	TƯỚC CỦA CÁC VỊ HOÀNG TỬ	CHỖ NHÀ THỜ TỌA LẠC
1	An-Phong Quận-Vương.	Làng Thanh-thủy, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-thiên.
3	Thái-Thạnh Quận Vương.	Làng An-cự, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-thiên.
4	Thoại-Thái-Vương.	Phường Phú-cát, Huế.
6	Hoằng-Trị-Vương.	Phường Phú-cát, Huế.

Thế-thứ các vị Hoàng-tử	TƯỚC CỦA CÁC VỊ HOÀNG-TỬ	CHỖ NHÀ THỜ TỌA-LẠC
7	Vĩnh-Quốc-Công.	Làng An-cự, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-thiên.
8	Gia-Hưng Vương.	Phường Phú-cát, Huế.
9	Phong Lộc Quận-Công.	Làng Phò ninh, huyện Phong-diễn, tỉnh Thừa thiên.
10	An-Phước Quận-Vương.	Phường Phú-cát, Huế.
12	Tuy-Hòa Quận-Vương.	Phường Phú hội, Huế.
16	Hương Sơn Quận Công.	Phường Phú-cát, Huế.
18	Mỹ-Lộc Quận-Công.	Phường Huệ-an, Kinh-thành nội.
23	Kỳ Phong Quận-Công.	Phường Phú-cát, Huế.
25	Phú-Lương-Công.	Làng Xuân-hòa, huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên.
26	Kiên-Thái-Vương.	Phường Phú-nhuận, Huế.
29	Văn-Lãng Quận-Vương.	Làng Dương-xuân, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-thiên.

Hệ tứ chánh

Hệ Tứ chánh là Hệ của các vị Hoàng-tử con nội đức Dực-Tôn-Anh Hoàng-Đế (Tự-Đức).

Đức Dực-Tôn-Anh Hoàng-Đế sanh năm 1829, mất năm 1883, vì không con nên phải nuôi ba người cháu: Đức Cung-Tôn-Huệ Hoàng-Đế (Dục Đức) con ngài Thoại-thái-vương, đức Cảnh-Tôn Thuần Hoàng-Đế (Đông-Khánh) và đức Giản-tôn-Nghị Hoàng-Đế (Kiến-Phước) đều con của ngài Kiên-Thái-Vương.

Khiêm-lăng (lăng của đức Tự-Đức) ở tại làng Dương-Xuân-thượng, huyện Hương-thủy. Lăng của bà Lệ-Thiên-Anh Hoàng-Hậu gọi là Khiêm-thọ-ăng cũng ở vùng ấy.

Ngài và bà đều thờ tại án Tả nhì Thế-Miếu và án Tả nhì diện Phụng-tiên.

Trong ba ngài con nuôi của đức Dực-Tôn-Anh Hoàng-Đế, ngài Giản-Tôn mở ra Hệ Ngũ-Chánh, ngài Cảnh-Tôn mở ra Hệ Lục Chánh, nên hệ Tứ chánh chỉ còn đức Cung-Tôn-Huệ Hoàng-Đế mà thôi. Đức Cung-Tôn-Huệ Hoàng-Đế sanh năm 1852, mất năm 1881 Ngài có 11 Hoàng-tử và 8 Công chúa.

Hoàng-tử : 1° — Hoàng-tử Cương, 2° — Hoàng-tử Thị, 3° — Hoàng-tử Mỹ, 4° Hoàng-tử Nga, 5° — Hoàng-tử Nghi, 6° — Hoàng-tử Côn, 7° — Hoài-Trạch-công (Thành-thái), 8° — Hoàng-tử Chuân, 9° — Tuyên-hóa-vương, 10° — Hoài-ân-vương, 11° Mỹ-hóa-công.

Trong 8 vị Công-chúa hiện hai ngài đang còn là ngài Hoàng-trưởng-nữ Mỹ-lương Công-chúa và ngài Tân-phong Công-chúa.

Ngài và Bà táng tại làng An-lăng ở làng An-cự, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-thiên và thờ tại Cung-Miếu ở Kinh-thành-nội.

Hệ Tứ Chánh có 4 phòng, nhân số nam được 60 người.

Thế-thứ các vị Hoàng-Tử	TƯỚC CỬA CÁC VỊ HOÀNG-TỬ	CHỖ NHÀ THỜ TỌA LẠC
7	Hoài-Trạch-Công	Chưa có, vì ngài còn sống.
9	Tuyên-Hóa-Vương	Phường Phú hòa, Huế.
10	Hoài-Ân-Vương	Phường Phú-cát, Huế.
11	Mỹ-Hóa-Công	Phường Phú-nhuận, Huế.

Hệ ngũ chánh

Đức Giản-Tôn-Nghị Hoàng-Đế vô tự nên Hệ-Ngũ chánh không có.

Đức Giản-Tôn sanh năm 1869, mất năm 1884, táng ở Bồi-Lăng gần Khiêm-Lăng. Ngài thờ ở Thái-Miếu Ân-Hữu nhị và ở Ân-Hữu nhị điện Phụng-tiên.

Hệ lục chánh

Hệ Lục Chánh là Hệ của các vị Hoàng-tử con đức Cảnh-tôn-Thuần Hoàng-Đế (Đồng-Khánh).

Đức Đồng-Khánh sau năm 1864, mất năm 1888, có sáu Hoàng-nam và sáu Hoàng-nữ.

Các Hoàng-nam : 1° — Đức Hoằng-Tôn-Tuyên Hoàng-Đế (Khải-Dịnh), 2° — An-Hóa quận-vương, 3° — Tảo-thương, 4° — Hoàng-Tử-Nga, 5° — Hoàng-tử Cát, 6° — Hoàng-tử Quyên.

Vua Đồng-Khánh táng ở Tư-Lăng, tại làng Dương-xuân-thượng, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-thiên. Bà Phụ-Thiên-Thuần Hoàng-Hậu (tức là Đức Thánh-Cung) táng ở Tư-miêu-Lăng cùng ở trong vùng ấy.

Ngài Khôn-Nghi-Xương Đức Thái-Hoàng-Thái-Hậu (tức là đức Tiên-Cung) hiện ở tại Đại-Nội.

Đức Đồng-Khánh và bà Phụ-Thiên-Thuần-Hoàng-Hậu đều thờ tại Ân-tả tam tại Thế-Miếu, và án Tả tam điện Phụng-Tiên.

Hệ Lục chánh chỉ có một phòng là phòng An-hóa Quận-Vương, trong phòng chỉ có quan Vĩnh-Thùy, Tả-tôn-khanh phủ Tô-Nhơn và người con trai tập tước Hương-công.

Đến hệ Lục chánh thì vừa hết các Hệ chánh. Hệ ngũ chánh vô tự, thành thử chỉ còn năm hệ chánh mà thôi. Nhân số tổng cộng được 2.522 người đàn ông và 2.400 đàn bà.

Muốn biết về thế thứ trong các hệ chánh chỉ xem bản đề ở sau này thì đủ rõ.



THỂ THỨ ĐỒ BIỂU

1. — Đức THIỆT-TỔ-CAO HOÀNG-ĐẾ (GIA-LONG)

(Hệ Nhứt Chánh)

2. — Đức THÁNH-TỔ-NHƠN HOÀNG-ĐẾ (MINH-MẠNG)

(Hệ Nhì Chánh)

3. — Đức HIẾN-TỔ-CHƯƠNG HOÀNG-ĐẾ (THIỆU-TRỊ)

(Hệ Ba Chánh)

— ĐỨC DỤC-TÓN-ANH HOÀNG-ĐẾ
(TỰ-ĐỨC)

(Hệ Tứ Chánh)

Thoại-Thái-Vương

Thoại-Quốc-Công
(DỤC-ĐỨC)

(Con nuôi đức Tự-Đức)

— THÀNH-THÁI (PHẾ-ĐẾ)
(Hoài-Trạch-Công)

10. — DUY-TÂN (PHẾ-ĐẾ)

Kiên-Thái-Vương

8. — CẢNH-TÓN-THUẦN
HOÀNG-ĐẾ (ĐÔNG-KHÁNH)

(Con nuôi đức Tự-Đức)
(Hệ lục Chánh)

11. — HOẰNG-TÓN-TUYÊN
HOÀNG-ĐẾ (KHẢI-ĐỊNH)

12. — BẢO-ĐẠI HOÀNG-ĐẾ

Kiên-Thái-Vương 5. — HIỆP-BOA (PHẾ-ĐẾ)

6. — GIẢN-TÓN-NGHI
HOÀNG-ĐẾ (KIẾN-PHƯỚC)

(Con nuôi đức Tự-Đức)
(Hệ Ngũ Chánh)

7. — HÀM-NGHI
(PHẾ-ĐẾ)

Cách tổ chức trong Hoàng-Tộc

Trong Hoàng-Tộc có 9 Hệ Tôn-Thất và 6 Hệ Chánh. Nhân số tổng cộng được 10.800 người (theo bản kê tháng Février 1942).

Đứng đầu mỗi Hệ có một viên Tư-Giáo.

Về các Hệ Tôn-Thất, hệ tư, hệ sáu không có, về các Hệ Chánh thì hệ Ngũ chánh vô tự, hệ Lục chánh nhân số quá ít, nên chỉ đặt 11 viên Tư-Giáo mà thôi. Tư-Giáo hệ nhất, hệ nhì, hệ ba, hệ năm, hệ bảy, hệ tám, hệ chín, hệ nhất chánh, hệ nhì chánh, hệ ba chánh và hệ tứ chánh.

Tư-Giáo là một chức thuộc quan, có cái trọng trách nối liền người trong Hệ với Chánh-Phủ. Họ cũng như Lý-trưởng ở các làng, bảo vệ quyền lợi cho người trong Hệ, giữ gìn trật tự, coi về việc sanh tử giá thú và ngăn ngừa tánh hạnh của những người trong Hoàng-Tộc.

Dưới quyền các viên Tư-Giáo có các viên Phòng-trưởng, một công chức không lương, coi về việc khai báo trong Phòng.

Ngoài Phòng-trưởng và Tư-Giáo lại có những viên Chủ tự hay Tôn-tước, giữ việc ký lạp cúng tế trong Phòng và đề phái đi lạy các nơi Tôn-Lăng-Miếu-Điện.

Các Hệ và các hệ chánh đều thuộc dưới quyền Tôn-Nhơn Phủ. Ngày trước cầm đầu Phủ Tôn-Nhơn là một vị Hoàng-Thân nhưng gần đây thì Phủ Tôn-Nhơn do một quan Thượng thư kiêm-nhiếp. Ấn quaa thì có tử, hữu tôn khanh dưới nữa thì đến thuộc quan và viên dịch. Quan viên ở Phủ Tôn-Nhơn đều lựa những người trong Hoàng-Tộc. Quan Kiêm-Nhiếp phủ vụ quản cố các công việc thuộc về các người trong Hoàng-Tộc từ những việc về lễ nghi đến hành chánh và tư-pháp.

Các Tôn-Lăng-Miếu-Điện đều do các quan viên ngạch Kiêm-Nghi trông coi, các viên quan ấy cũng đều là người trong Hoàng-tộc vừa thuộc quyền bộ Lễ Nghi vừa thuộc quyền Tôn-Nhơn-Phủ.

CÁC VỊ KIÊM NHIỆP TỪ NGÀY TÔN-NHƠN PHỦ
THÀNH LẬP
Tả Tôn Chánh

L. L. A. A. les Princes :

Trương-Khánh-Công Septembre 1836 — Janvier 1840
(lúc Đức Thiệu-Trị còn Hoàng-tử)

Thọ-Xuân Vương Janvier 1840 — Octobre 1885

Hữu Tôn Chánh

S. A. le Prince :

Hoài-Đức-Quân-Vương Octobre 1885 — Février 1889

Tả Tôn Chánh

S. A. le Prince :

Tuy - Lý - Vương Février 1889 — Novembre 1897

Tả Tôn Nhơn

S. A. le Prince :

An-Xuyên Vương Novembre 1897 — Août 1899

Hữu Tôn Nhơn

S. A. le Prince :

Hoảng-Trị-Vương Août 1899 — Août 1902

Tả Tôn Chánh

S. A. le Prince :

An-Thanh-Vương Septembre 1902 — Février 1920

Kiểm-Nhiếp Tôn-Nhơn Phủ Vụ Đại-Thần

L. L. E. E.

Ứng-Huy Février 1920 — Février 1922

Tôn-thất-Trạm Février 1922 — Février 1928

Tôn-thất-Đàng Février 1928 — Janvier 1929

Bữu-Thạch Janvier 1929 — Février 1933

Ứng-Bàng Février 1933 — Janvier 1935

Ứng-Trình Janvier 1935 — Février 1940

Quyền-Nhiếp Tôn-Nhơn Phủ Vụ

S. E

Bữu-Thảo Février 1940 — Mai 1942

Kiểm-Nhiếp Tôn-Nhơn Phủ Vụ Đại-Thần

S. E.

Tôn-thất-Cổn Mai 1942

THẾ THỪ ẤM-TẬP TRONG HOÀNG TỘC

Con cháu các ngài Hoàng-tử, mỗi đời có một người được ấm-tập theo các tước dưới này :

Các ngài Thân-Vương và Quận-Vương :

Con tập tước Quận-Công 2-1M

Cháu tập tước Hương-Công 3-1M

Thế thứ ba tập tước Kỳ-ngoại-hầu 4-1M

Thế thứ tư tập tước Tá-quốc-Khanh 5-1M

Thế thứ năm tập tước Phụng-quốc-úy 6-1M

Các ngài Thân-Công :

Con tập tước Huyện-công 2-2M

Cháu tập tước Huyện-hầu 3-2M

Thế thứ ba tập tước Trợ-quốc-khanh 4-2M

Thế thứ tư tập tước Trợ-quốc-úy 5-2M

Thế thứ năm tập tước Phụng-quốc-lang 6-2M

Các ngài Quốc-công :

Con tập tước Hương-hầu 3-2M

Cháu tập tước Trợ-quốc-khanh 4-2M

Thế thứ ba tập tước Tá-quốc-úy 5-2M

Thế thứ tư tập tước Tá-quốc-lang 6-2M

Các ngài Quận-Công :

Con tập tước Kỳ-ngoại-hầu 4-1M

Cháu tập tước Tá-quốc-khanh 5-1M

Thế thứ ba tập tước Trợ-quốc-lang 6-1M

Thế là con cháu các ngài Thân-vương, Quận-vương và Thân-công được năm đời ấm tập, con cháu các ngài Quốc-công được bốn đời, còn con cháu các ngài Quận-công chỉ có ba đời ấm tập.



MỤC LỤC

	TRANG
Nguyên quán	3
Cách lựa tên của các vị Chúa và các vị Vua	3
Cách đặt tên và chữ lót trong các hệ Chánh	4

HỆ VÀ PHÒNG

Các Hệ Tôn Thất

Hệ Nhứt.	11
Hệ Nhì	11

(Họ Nguyễn-Thuận và Nguyễn-Hựu)

Hệ Ba	12
-----------------	----

(Họ Nguyễn-Hữu và Nguyễn-Cửu)

Hệ Tư	13
Hệ Năm.	14
Hệ Sáu	15
Hệ Bảy.	15
Hệ Tám.	17
Hệ Chín.	17

Các Hệ Chánh

Hệ Nhứt Chánh	19
Hệ Nhì Chánh	20
Hệ Ba Chánh	25
Hệ Tứ Chánh	26
Hệ Ngũ Chánh	27
Hệ Lục Chánh	28
Thế Thứ Đồ Biếu	29
Cách tổ chức trong Hoàng tộc.	30
Các vị kiêm-nhiếp từ ngày Tôn-Nhơn Phủ thành lập.	31
Thế thứ ám tấp trong Hoàng tộc	32

